TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 200/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 10 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH NA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân

1, Ông: Nguyễn Đăng Lĩnh

2, Bà: Phạm Thị Mai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà Bà: Trần Thị Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Phương Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA xét xử công khai vụ án thụ lý số 185/ 2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lương T.M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Bản TL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lô V.Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản TX, xã NL, huyện TC, tỉnh NA.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lương T.M trình bày:

Chị và anh Lô V.Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện TD, tỉnh NA vào ngày 18 tháng 6 năm 2004. Sau khi kết hôn xong vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xã KT,

huyện TD, tỉnh NA một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại Bản TX, xã NL, huyện TC, tỉnh NA. Cuộc sống chung của hai người hạnh phúc cho đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc dù đã được chính quyền địa phương tiến hành hòa giải nhưng đều không có kết quả.

Nay chị xét thấy tình cảm không còn nữa nên nguyện vọng của chị là muốn được ly hôn với anh Lô V.Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là: Lô T.D, sinh ngày 20/6/2004 và Lô T.T.L, sinh ngày 24/3/2006. Hiện nay các con phát triển khỏe mạnh, bình thường đang sống cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn nhau nguyện vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và không yêu cầu anh Lô V.Q góp cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về phân chia tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng chị không nợ gì ai và cũng không ai nợ gì vợ chồng.

Ý kiến của bị đơn anh Lô V.Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt. Nhưng trong đơn xin xử vắng mặt. Anh hoàn toàn thừa nhận điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như chị Lương T.M đã trình bày. Sau khi kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 6 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện TD, tỉnh NA xong vợ chồng anh về chung sống với nhau hạnh phúc cho đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và cũng kể từ đó vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do tính tình vợ chồng sống không hợp nhau. Nay anh xét thấy tình cảm không còn nữa nên việc chị Lương T.M xin ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí.

Về trách nhiệm nuôi con chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có 2 con chung Lô T.D, sinh ngày 20/6/2004 và Lô T.T.L, sinh ngày 24/3/2006. Các cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường đang sống cùng với chị Lương T.M. Nay vợ chồng ly hôn nhau nguyện vọng của anh là muốn để cho chị Lương T.M trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về phân chia tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng anh không nợ gì ai và cũng không ai nợ gì vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý giải quyết cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án hoàn toàn tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử về tình cảm: chị Lương T.M được ly hôn với anh Lô V.Q.

Về con chung: Giao các cháu Lô T.D, sinh ngày 20/6/2004 và Lô T.T.L, sinh ngày 24/3/2006, cho chị Lương T.M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lô V.Q

Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lương T.M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp Hôn nhân gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên việc thụ lý, giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn anh Lô V.Q đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt. Cho nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay anh có đơn xin xử vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Lương T.M và anh Lô V.Q là hôn nhân hợp pháp. Hai bên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện TD, tỉnh NA vào ngày 18 tháng 6 năm 2004 theo quy định. Sau khi kết hôn xong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau. Nay cả chị Lương T.M và anh Lô V.Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đều nhất trí ly hôn nhau, nên việc xử cho chị Lương T.M được ly hôn với anh Lô V.Q là phù hợp.

Về trách nhiệm nuôi con: Hai bên thống nhất vợ chồng có 2 con chung là Lô T.D, sinh ngày 20/6/2004 và Lô T.T.L, sinh ngày 24/3/2006. Nay hai bên thống nhất ly hôn giao cả 2 con cho chị Lương T.M trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lô V.Q. Xét đây là sự tự nguyện của các bên, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ý kiến của các cháu Lô T.D và Lô T.T.L cho nên cần chấp nhận.

Về phân chia tài sản chung: Hai bên không ai có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương T.M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tại phiên tòa. Xét thấy việc tuân theo quy định pháp luật và các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Chị Lương T.M được ly hôn với anh Lô V.Q.

Về trách nhiệm nuôi con: Giao 2 con chung của vợ chồng là Lô T.D, sinh ngày 20/6/2004 và Lô T.T.L, sinh ngày 24/3/2006, cho chị Lương T.M trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lô V.Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về chia tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Buộc chị Lương T.M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000 5659 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh NA. Chị Lương T.M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Thái Trường Giang

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh NA*
- *VKS huyện TC*
- *Chi cục THA dân sự huyện TC*
- *Các đương sự*
- *UBND xã NL*
- *Lưu HS, VP.*